

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 8 năm 2019.
(V/v ly hôn giữa chị L và anh P).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đán Văn Đ**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phùng Ngọc T**
2. Bà : **Lục Thị N**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Đ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hồng Q** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 46/2019/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019, về việc: ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1319/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị L** - Sinh năm: 1989;

Dân tộc: Tày; Nghề nghiệp: Lao động tự do

Nơi ĐKNKTT: tổ 11, thị trấn Nông Trường B, huyện A tỉnh Hà Giang

Địa chỉ hiện nay: thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Hà Giang (có mặt).

Bị đơn: Anh **Nguyễn Xuân P**, sinh năm: 1982

Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do

Địa chỉ: tổ 11, thị trấn Nông Trường B, huyện A tỉnh Hà Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ghi ngày 12/ 3 /2019, chị **Hoàng Thị L** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Nguyễn Xuân P** kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nông Trường B, huyện A, tỉnh Hà Giang vào ngày 07/9/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc được 06 năm, đến năm 2013 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm về chuyện làm

ăn phát triển kinh tế gia đình, thường xuyên chửi bới, xúc phạm nhau, mâu thuẫn xảy ra mặc dù chưa đề nghị cấp có thẩm quyền hòa giải lần nào, nhưng hiện nay vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2018, không ai quan tâm đến ai mỗi người tự lo cuộc sống riêng cho mình, tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài, do vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Xuân P.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 01 con chung là Nguyễn Thị Thanh T (sinh ngày 24/8/2008), sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu T và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng từ 300.000đ đến 500.000đ cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng có:

- 01 tivi sam sung mua năm 2017 với giá: 06 triệu đồng;
- 01 tủ lạnh pa na so níc mua năm 2017 là 03 triệu đồng;
- 01 xe máy YAMAHA BKS 23B1- 37554, mang tên Nguyễn Xuân P mua vào năm 2017 là 21 triệu đồng;
- 01 xe máy DRem BKS 23H1 - 07924 mang tên Hoàng Thị L mua năm 2012 trị giá lúc mua là 05 triệu đồng .
- 01 tủ gỗ trắc mua năm 2018 trị giá là 05 triệu;
- 01 giàn nóng lạnh bằng năng lượng mặt trời lúc trị giá mua 12 triệu;
- 01 chuồng lợn xây dựng năm 2014 .
- + Về công nợ, tài sản riêng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn chị yêu cầu được chia đôi về giá trị tài sản chung của vợ chồng hoặc chia theo hiện vật, nếu chia bằng hiện vật chị có nguyện vọng được chia xe máy YAMAHA BKS 23B1- 37554 mang tên Nguyễn Xuân P. Ngoài ra, chị L nhất trí giao cho anh P được quản lý sự dụng (trừ 01 chiếc xe DRem BKS 23H1 - 07924 đã hư hỏng chị đang quản lý).

Tại phiên tòa hôm nay, chị L không thay đổi giữ nguyên quan điểm ly hôn theo nội dung đơn khởi kiện.

Về con chung: Chị L nhất trí việc giao nuôi con của anh P cho chị được nuôi dưỡng và giáo dục, chị yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng từ 300.000đ đến 500.000đ cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Đối với tài sản chung của vợ chồng đã được Tòa án xem xét thẩm định và định giá, chị nhất trí theo giá của Hội đồng định giá. Riêng chiếc xe máy YAMAHA BKS 23B1- 37554 mang tên Nguyễn Xuân P mua trả góp năm 2017 trị giá là 21 triệu đồng và chiếc tủ gỗ mua năm 2018 trị giá là 05 triệu đồng, anh P tự ý bán trước khi Hội đồng định giá tiến hành định giá tài sản, không có sự bàn bạc, thống nhất với chị nên chị không nhất trí giá bán của anh P, chị đề nghị Tòa án xem xét đảm bảo quyền lợi của chị đối với 2 thứ tài sản mà anh P đã bán.

* Tại bản tự khai viết tay ghi ngày 06/5/2019 và lời khai tại Tòa án anh Nguyễn Xuân P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh nhất trí với lời trình bày của chị Hoàng Thị L về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, còn về mâu thuẫn vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhất định, đến nay chị L có đơn yêu cầu giải quyết xin ly hôn với anh

thì anh cũng nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của chị L để giải phóng khỏi sự ràng buộc lẫn nhau.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 01 con chung là Nguyễn Thị Thanh T (sinh ngày 24/8/2008), khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cháu T, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: gồm có 01 ti vi sam sung mua năm 2017 với trị giá: 06 triệu đồng; 01 tủ lạnh pa na so níc mua năm 2017 là 03 triệu; 01 xe máy YAMAHA đứng tên Nguyễn Xuân P mua vào năm 2017 trị giá là 19 triệu đồng mang BKS 23B1- 37554; 01 xe máy DRem mang đứng tên chị Hoàng Thị L, mua năm 2012 là 05 triệu đồng mang BKS 23H1 - 07924; 01 tủ gỗ mua năm 2018 là 05 triệu; 01 giàn máy nóng lạnh bằng năng lượng mặt trời lúc mua 4,5 triệu; 01 chuồng lợn trị giá lúc xây 05 triệu đồng.

+ Về công nợ, tài sản riêng: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh P không thay đổi ý kiến về quan hệ hôn nhân anh nhất trí ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh P nhất trí giao con cho chị Hoàng Thị L được nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với phần tài sản chung của vợ chồng, anh thừa nhận anh đã bán chiếc xe máy YAMAHA đứng tên Nguyễn Xuân P cho người không biết tên, địa chỉ với giá là 09 triệu đồng và gán nợ chiếc 01 tủ gỗ xoan với trị giá 05 triệu đồng. Sau khi ly hôn anh nhất trí chia đôi giá trị tài sản hoặc hiện vật đã được Tòa án xem xét thẩm định và định giá theo giá trị tài sản mà anh đã bán.

Ngày 04/7/2019, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định và định giá tài sản tranh chấp.

Tại biên bản xem xét thẩm định và định giá tài sản được xác định và định giá như sau:

- 01 ti vi sam sung mua năm 2017 có trị giá: 2.000.000đ triệu đồng;
 - 01 tủ lạnh pa na so níc mua năm 2017 có trị giá là 1.000.000đ triệu;
 - 01 giàn nóng lạnh bằng năng lượng mặt trời + Téc nước có trị giá 10.500.000 triệu;
 - 01 chuồng lợn xây dựng năm 2014 có trị giá 5 triệu (giá trị vật liệu)
- Tổng giá trị tài sản định giá là: **18.500.000đ (Mười tám triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn).**

Sau khi nghe các đương sự trình bày và tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu:

** Việc tuân theo pháp luật tổ tụng của Thẩm phán và hội đồng xét xử:*

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định từ cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, vấn đề thu thập chứng cứ, thời hạn

chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định tại các điều 28, 35, 69, 196 và 198 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quyết định đưa vụ án ra xét xử và việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát để nghiên cứu, Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thành phần tham gia xét xử hôm nay đúng với thành phần Hội đồng xét xử được ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định tại Điều 63 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 239 của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như về nguyên tắc xét xử và Thư ký phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, theo quy định của pháp luật.

** Quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55; Điều của Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Xuân P..

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Giao cháu Nguyễn Thị Thanh T (sinh ngày 24/8/2008) cho anh Nguyễn Xuân P được nuôi cháu T kể từ ngày 16/8/2019 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung có quyền thăm con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung đã được hai bên đương sự xác định tại biên bản kiểm tra chứng cứ và hòa giải ngày 16 tháng 5 năm 2019 và đã được Tòa án xem xét thẩm định và định giá ngày 04/7/2019. Căn cứ các Điều 33 đến 46 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị HĐXX xử chia đôi theo giá trị tài sản đã được các đương sự và Hội đồng định giá xác định nhằm để đảm bảo quyền thừa hưởng đối với khối tài sản chung sau khi ly hôn.

Đối với tài sản chung mà anh P đã bán trước khi hội đồng định giá tiến hành định giá, hành vi anh P được coi là tẩu tán tài sản nhằm gây khó khăn cho việc xác định giá trị tài sản chung. Tại phiên Tòa chị L không nhất trí với giá trị tài sản anh P đã bán nên buộc anh P phải chấp nhận theo giá trị mà chị L xác định để chia.

+ Đối với tài sản chiếc xe máy xe máy Drem mang tên Hoàng Thị L mua năm 2012 là 05 triệu đồng mang BKS 23H1 – 07924. Xét thấy anh P, chị L mua lại xe cũ, hiện tại chiếc xe đã không còn sử dụng được (hỏng) nên chị L không thể đưa lên để xem xét thẩm định, định giá, chị L đã bán phế liệu với giá 1.000.000đ nên chấp nhận giá trị tài sản là 1.000.000đ để chia.

- Về án phí: Buộc chị Hoàng Thị L chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là và án phí chia tài sản chung có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Xuân P phải chịu án phí chia tài sản chung có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án do các bên không thỏa thuận việc chia tài sản chung của vợ chồng Tòa án đã thành lập Hội đồng xem xét thẩm định và định giá tài sản chung. Do vậy buộc các bên phải chịu toàn bộ số tiền chi phí thẩm định và định giá theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, các đương sự có quyền chống án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. **Về tố tụng:** Chị Hoàng Thị L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang giải quyết việc ly hôn anh Nguyễn Xuân P, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án ngày 23/8/2019, đã tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thu thập chứng cứ tài liệu, xác định các quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành việc xem xét thẩm định, định giá tài sản. Đến ngày 30 /7/2019 Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Nhận định của Tòa án về các yêu cầu của các đương sự:

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Xuân P xây dựng gia đình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/9/2007 tại UBND thị trấn Nông Trường B, huyện A, tỉnh Hà Giang. Xác định đây là hôn nhân hợp pháp đúng quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hòa thuận hạnh phúc và đã có con chung, đến năm 2013 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, lý do mâu thuẫn do trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm về chuyện làm ăn phát triển kinh tế gia đình, thường xuyên chửi bới, xúc phạm nhau, mâu thuẫn xảy ra mặc dù chưa đề nghị cấp có thẩm quyền hòa giải lần nào nhưng hiện nay vợ chồng tôi đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2018, không ai quan tâm đến ai, mỗi người tự lo cuộc sống riêng cho mình, tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài, chị L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Xuân P. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa hôm nay anh P nhất trí ly hôn với chị L để giải phóng khỏi sự ràng buộc lẫn nhau. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng xảy ra là thực tế có căn cứ, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/ 2018 đến nay không còn quan tâm chăm sóc thăm hỏi nhau, nếu cố gắng khắc phục cũng không có hạnh phúc, vợ chồng đã thỏa thuận ly hôn để giải phóng khỏi sự ràng buộc lẫn nhau. Tại cuộc hòa giải và tại phiên tòa hai bên đã thỏa thuận việc ly hôn nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Xuân P, theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. **Về con chung:** Trong quá trình chung sống, vợ chồng có một con chung: là Nguyễn Thị Thanh T (sinh ngày 24/8/2008), trong quá trình giải quyết vụ án hai bên không thỏa thuận việc giao nuôi con chung mỗi bên đều có nguyện vọng muốn được nuôi con. Tại phiên Tòa hôm nay anh P nhất trí giao

con cho chị L được nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

HĐXX nhận thấy sự thỏa thuận tự nguyện chia giao con của anh P và chị L là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc, không trái đạo đức xã hội, phù hợp nguyện vọng chị L nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự được quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về cấp dưỡng nuôi con: trong quá trình giải quyết vụ án chị L có yêu cầu anh P phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Xét thấy yêu cầu chị L là có căn cứ phù hợp với các quy định của pháp luật và nhằm đảm bảo cuộc sống sinh hoạt tối thiểu cũng như trách nhiệm của người cha, mẹ đối với con chung sau khi bố mẹ ly hôn. Do vậy buộc anh P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 500.000đ, kể từ ngày 16-8-2019 cho đến khi cháu Nguyễn Thị Thanh T đủ 18 tuổi, anh P được quyền thăm con theo quy định của pháp luật.

[4]. **Về tài sản chung:** Trong quá trình giải quyết vụ án hai bên đương sự xác định tài sản chung Vợ chồng có

- 01 tivi sam sung mua năm 2017 với giá: 06 triệu đồng;
 - 01 tủ lạnh pa na so níc mua năm 2017 là 03 triệu;
 - 01 xe máy YAMAHA BKS 23B1- 37554 mang tên Nguyễn Xuân P mua vào năm 2017 trị giá là 19 triệu đồng
 - 01 xe máy DRem BKS 23H1 - 07924 mang tên Hoàng Thị L, mua năm 2012 trị giá khi mua là 05 triệu đồng .
 - 01 tủ gỗ trắc mua năm 2018 trị giá là 05 triệu;
 - 01 giàn nóng lạnh bằng năng lượng mặt trời + təc nước trị giá mua năm 2018 trị giá 12 triệu;
 - 01 chuồng lợn xây 2 ngăn dựng năm 2014 trị giá công xây là 5triệu
- Tổng giá trị tài sản ước tính là: 55.000.000đ(Năm mươi năm triệu đồng).

* Tại biên bản thẩm định và định giá tài sản ngày 04/7/2019 được xác định và định giá như sau:

- 01 tivi sam sung mua năm 2017 có trị giá: 2.000.000đ triệu đồng;
- 01 tủ lạnh pa na so níc mua năm 2017 có trị giá là 1.000.000đ triệu;
- 01 giàn nóng lạnh bằng năng lượng mặt trời + Təc nước có trị giá 10.500.000 đồng;
- 01 chuồng lợn xây dựng năm 2014 có trị giá 05 triệu (giá trị vật liệu)

Tổng giá trị tài sản chung được Hội đồng định giá là: **18.500.000đ(Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).**

Ngoài ra, anh P khai thừa nhận đã bán, chuyển nhượng 02 thứ tài sản là gồm : 01 xe máy YAMAHA BKS 23B1- 37554 mang tên Nguyễn Xuân P với giá là 09 triệu đồng và gán nợ 01 tủ gỗ trắc mua năm 2018 trị giá là 05 triệu. Tại

phiên Tòa chị L không nhất trí với trị giá tài sản mà anh P đã bán mà không có sự đồng ý của chị L và không nhất trí khoản nợ mà anh P gán chiếc tủ để trả nợ. Tòa án xét thấy anh P đã có hành vi tẩu tán tài sản chung của vợ chồng để gây khó khăn cho việc xem xét thẩm định định giá tài sản không có sự nhất trí của đồng sở hữu. Do đó buộc anh P phải chấp nhận theo giá trị thực tế đã được hai bên xác định.

- 01 xe máy YAMAHA BKS 23B1- 37554 mang tên Nguyễn Xuân P, mua trả góp năm 2017 trị giá hiện tại là 19 triệu đồng. sau khi trừ khấu hao tự nhiên tính đến năm 2019 giá trị là 17.000.000đ

- 01 tủ gỗ xoan mua năm 2018 trị giá là 05 triệu;

+ Đối với tài sản chiếc xe máy xe máy Drem mang BKS 23H1 – 07924 mang tên chị Hoàng Thị L mua năm 2012 là 05 triệu đồng. Xét thấy anh P chị L khai thừa nhận mua lại xe cũ trị giá tại thời điểm mua là 5 triệu. hiện tại chiếc xe đã hỏng không thể sử dụng được nên chị L không lấy lên để xem xét thẩm định, định giá. trừ khấu hao do thời hạn sử dụng tính đến năm 2019 giá trị còn lại là 1.000.000đ

Như vậy tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng anh P chị L được xác định là: 41.500.000đ (Bốn mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng): 2 mỗi người được chia là 20.750.000đ(Hai mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)

Tại phiên Tòa các bên đương sự yêu cầu được chia đôi số tài sản chung của vợ chồng là phù hợp pháp luật cũng như nhằm đảm bảo và sự quyền thừa hưởng tài sản công sức của mình đã tích lũy, mua sắm, đầu tư tốn tảo gây dựng mà có. Nhưng các bên đương sự không thỏa thuận việc chia giao tài sản chung mỗi bên đều có quan điểm riêng không thống nhất.

Tòa án xét thấy Toàn bộ tài sản chung của vợ chồng hiện tại do anh P đang quản lý và sử dụng tại tổ 11 thị trấn Nông Trường Việt Lâm, huyện A, tỉnh Hà Giang và những tài sản anh P đã bán (trừ xe máy DRem BKS 23H1 - 07924 mang tên Hoàng Thị L do chị L quản lý) Cần được giao cho anh Nguyễn Xuân P quản lý sử dụng anh P có trách nhiệm trả một phần giá trị tài sản anh P đang quản lý sử dụng cho chị Hoàng Thị L, tương ứng thành tiền là 19.750.000đ (Mười chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- Về tài sản riêng và công nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5]. **Về án phí:** Chị Hoàng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ và án phí chia tài sản chung có giá ngạch là 20.750.000đ x 5% = 1.037.500đ. Tổng cộng án phí là: 1.337.500đ (Một triệu không trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Anh Nguyễn Xuân P phải chịu án phí chia tài sản chung có giá ngạch là 20.750.000đ x 5% = 1.037.500đ (Một triệu không trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án do các bên không thỏa thuận việc chia tài sản chung của vợ chồng. Chị Hoàng Thị L đã có yêu cầu

xem xét thẩm định, định giá tài sản và nộp tiền tạm ứng chi phí cho việc xem xét thẩm định, định giá tài sản là: 3.000.000đ. Tòa án đã thành lập Hội đồng xem xét thẩm định và định giá tài sản chung và chi phí cho việc xem xét thẩm định, định giá tài sản với số tiền là: 1.550.000đ.(Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng)

Việc chị L nộp tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. căn cứ khoản 1 Điều 156 khoản 2 Điều 157 Điều 163 Điều 165 và 166 bộ luật tố tụng dân sự. Buộc mỗi bên phải chịu khoản tiền chi phí thẩm định và định giá là: 755.000đ (bảy trăm bảy mươi năm nghìn đồng). Anh Nguyễn Xuân P phải trả lại cho chị L số tiền 755.000đ chi phí thẩm định và định giá chị L đã tạm ứng nộp trước.

Trả lại cho chị Hoàng Thị L số tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá còn thừa 1.450.000đ.

[6]. **Quyền kháng cáo:** Các đương sự kháng cáo theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 55; Điều 29; khoản 2 Điều 34; Điều 35; khoản 1,3 Điều 38; Điều 39; khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 4 Điều 147 khoản 1 Điều 156 khoản 2 Điều 157 Điều 163 Điều 165 và khoản 1 điều 166 Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a b khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Xuân P và chị Hoàng Thị L.

2. Về nuôi con chung:

- Giao cháu Nguyễn Thị Thanh T(sinh ngày 24/8/2008) cho chị Hoàng Thị L, địa chỉ: thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Hà Giang. Được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T kể từ ngày 16/8/2019 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung : Anh Nguyễn Xuân P phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng là 500.000đ chị L là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày 16/8/2019 cho đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh P có quyền thăm con theo quy định của pháp luật.

3. Về Tài sản chung vợ chồng: Xử giao toàn bộ tài sản gồm:

- 01 ti vi sam sung mua năm 2017 có trị giá: 2.000.000 đồng;
- 01 tủ lạnh pa na so níc mua năm 2017 có trị giá là 1.000.000đ;
- 01 giàn nóng lạnh bằng năng lượng mặt trời + Téc nước có trị giá 10.500.000đ.

- 01 chuồng lợn xây năm 2014 có giá trị vật liệu là: 05 triệu (và trị giá chiếc xe máy YAMAHA BKS 23 B1-37554 mang tên Nguyễn Xuân P và 01 tủ gỗ Xoan mua năm 2018 anh P đã bán. Với tổng giá trị tài sản chung được xác định là 40.500.000đ (Bốn mươi triệu, năm trăm nghìn đồng) cho anh Nguyễn Xuân P; Địa chỉ: Tổ 11, thị trấn Nông trường B, huyện A, tỉnh Hà Giang được quản lý sử dụng.

Anh Nguyễn Xuân P phải có trách nhiệm trả cho chị Hoàng Thị L; Địa chỉ: thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Hà Giang phần giá trị tài sản do anh P đang sử dụng thành tiền là: 19.750.000đ (Mười chín triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

* Anh P được chia giá trị tài sản chung là: 20.750.000đ (Hai mươi triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

* Chị Hoàng Thị Lê được chia 19.750.000đ giá trị tài sản chung anh P đang quản lý sử dụng và giá trị còn lại chiếc xe DRem BKS 23H1 - 07924 mang tên Hoàng Thị L (do chị L đang quản lý sử dụng) trị giá 01 triệu đồng. Tổng cộng chị L được chia là: 20.750.000đ (Hai mươi triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải thi hành cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 bộ luật Dân sự 2015 trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

4. Về án phí:

Chị Hoàng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và án phí chia tài sản chung có giá ngạch là: 1.037.500đ. Tổng cộng 1.337.500đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị L đã nộp là 2.375.000đ theo biên lai số: 02189 ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Chi Cục thi hành án huyện A, tỉnh Hà Giang.

Trả lại cho chị L số tiền tạm ứng án phí còn thừa là: 1.037.500đ.

Anh Nguyễn Xuân P phải chịu án phí chia tài sản có giá ngạch là 1.037.500đ và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm nghìn). Tổng cộng 1.337.500đ.

5. Về chi phí tố tụng:

- Chị Hoàng Thị L phải chịu tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản 775.000đ (chị L đã nộp). Trả lại cho chị Hoàng Thị L 1.450.000đ (Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) chi phí tố tụng còn thừa (đã trả song).

- Anh Nguyễn Xuân P phải chịu tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản là: 775.000đ trả lại cho chị Hoàng Thị L.

6. Quyền kháng cáo:

Báo cho các bên đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 16 /8/2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- VKSND huyện A;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- UBND thị trấn Nông trường B, huyện A, tỉnh Hà Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VX;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đán Văn Đ

Bản án gốc được thông qua tại phòng xét xử cho các thành viên hội đồng xét xử nghe nhất trí đúng nội dung đã thảo luận và ký tên.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
XÉT XỬ SỞ THẨM**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phùng Ngọc T

Lục Thị N

Đán Văn Đ

-